TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20/03/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Văn Tân

Ông Bùi Văn Thắng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

Trong ngày 20 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị H, sinh ngày 01/01/1990. (Vắng mặt)

Căn cước công dân số ….., cấp ngày 21/10/2022

Địa chỉ: ấp P, xã C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Anh Hứa Thanh Đ, sinh ngày 01/01/1979 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số ……

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Huỳnh Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hứa Thanh Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ) vào ngày 25/04/2022, và được cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Trong thời gian đầu khi mới chung sống với nhau thì vợ chồng chị chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên hiện nay chị nhận thấy là chị và anh Đ không hợp nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, chị muốn trả tự do cho nhau, chị đã ly

thân với anh Đ từ năm 2022 đến nay. Chị yêu cầu được ly hôn với anh Hứa Thanh Đ.

Về con chung: Chị và anh Hứa Thanh Đ có một con ruột là cháu Hứa Thúy A, sinh ngày 17/6/2022, cháu Thúy A đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi cháu Thúy A và không yêu cầu anh Đẳng cấp D nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: Chị H không yêu cầu xem xét.

Chị H xin được xét xử vắng mặt vì điều kiện đi lại xa nên không thể có mặt khi Tòa án triệu tập.

2/ Bị bơn anh Hứa Thanh Đ: Anh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị H nhưng anh H không có ý kiến phản đối, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh Hứa Thanh Đ cư trú tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Nên Tòa án xác định loại kiện "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị H vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn anh Hứa Thanh Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị H và anh Hứa Thanh Đ là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ngày 25/04/2022 chị H và anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh Đ, theo chị H nhận thấy giữa chị H và anh Đ không hợp nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, chị muốn trả tự do cho nhau, chị đã ly thân với anh Đ từ năm 2022 đến nay. Nên chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Hứa Thanh Đ. Anh Đ không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị H. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của chị H và anh Đ đã không còn sự quan tâm, thương yêu dành cho nhau, không còn tin tưởng nhau,

anh chị đã ly thân với nhau từ nay 2022 đến nay không thể hàn gắn, mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ là trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Huỳnh Thị H được ly hôn với anh Hứa Thanh Đ.

[4] Về con chung: Chị Huỳnh Thị H và anh Hứa Thanh Đ có con chung là cháu Hứa Thúy A, sinh ngày 17/6/2022, cháu Thúy A hiện nay đang sống chung với chị H. Chị H yêu cầu được nuôi cháu Thúy A, anh Đ không có ý kiến phản đối, cháu Thúy A hiện nay vừa hơn 03 tuổi. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".* Giữa chị H và anh Đ không thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử sẽ quyết định về việc giao con cho ai nuôi dưỡng. Do cháu Thúy A hiện nay vừa hơn 03 tuổi và đang được mẹ ruột là chị H nuôi dưỡng nên cần ổn định môi trường sống, ổn định tâm lý trẻ em nên quyết định giao cháu Thúy A cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp về mặt tâm sinh lý của cháu, phù hợp nguyện vọng của cháu. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho anh Hứa Thanh Đ theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Huỳnh Thị H phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001032, ngày 15/01/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Anh Hứa Thanh Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị H được ly hôn với anh Hứa Thanh Đ.

2/ Về con chung: Giao cháu Hứa Thúy A, sinh ngày 17/6/2022 cho chị Huỳnh Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Hứa Thanh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm:

Buộc chị Huỳnh Thị H phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Huỳnh Thị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001032, ngày 15/01/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Anh Hứa Thanh Đ không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Long, TPCT;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng